

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 230/2018/DS-PT
Ngày: 15-11-2018
V/v tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Sang.

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Thanh Giang;

Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12 và 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2018/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2018/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 215/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Cháu Thân Minh K, sinh năm 2005; bà Lương Thị C, sinh năm 1962; cùng cư trú tại: Ấp K, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của cháu Thân Minh K: Bà Lương Thị C, sinh năm 1962 (mẹ ruột cháu K); cư trú tại: Ấp K, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Thị C: Ông Phi Quyết C1, sinh năm 1953; cư trú tại: Phường P, Quận B, Thành phố H; theo văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 7 năm 2017; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lương Thị C: Ông Phạm Quang T – Luật sư của Văn phòng Luật sư P, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

- Bị đơn: Bà Thân Thị Mỹ C2, sinh năm 1972; cư trú tại: Khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Thân Thành B, sinh năm 1959; cư trú tại: Khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. Ông Thân Thành T1, sinh năm 1962; cư trú tại: Khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

3. Bà Thân Ngọc K, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

4. Ông Mang Thành C3, sinh năm 1970; cư trú tại: Khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

5. Bà Thân Thị N, sinh năm 1969; ông Ngô Văn Đ, sinh năm 1969; cùng cư trú tại: Khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Phi Quyết C1 trình bày:

Cụ Thân Văn R sinh năm 1932 (chết trước năm 1975) và cụ Phan Thị H, sinh năm 1924 (chết năm 2000) sinh thời có 06 người con gồm: Thân Thành B, Thân Thành T1, Thân Thành L (chết năm 2005, có vợ là Lương Thị C và 01 người con là Thân Minh K), Thân Ngọc K, Thân Thị N, Thân Thị Mỹ C2. Cụ R, cụ H chết đều không để lại di chúc. Di sản mà cụ R và cụ H để lại bao gồm:

- 01 căn nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 225 m², tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh, phần đất này đã được Sở xây dựng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ H.

- Phần đất diện tích 1.770,7 m², thuộc thửa đất số 129, tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T1, huyện T. Hiện tại phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (phần nhà đất diện tích 225 m² nêu trên nằm trong diện tích đất này).

Hiện nay di sản do bà Thân Thị Mỹ C2 quản lý. Tuy nhiên đối với căn nhà đã cũ hiện đã tháo dỡ toàn bộ, đang xây mới nên nguyên đơn rút yêu cầu chia di sản đối với căn nhà này. Đối với thửa đất số 129, diện tích 1.770,7 m² yêu cầu chia làm 06 phần, chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế.

Bị đơn bà Thân Thị Mỹ C2 vắng mặt trong tất cả các lần làm việc nên không có lời trình bày.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Thân Thành B trình bày:

Cha mẹ của ông là cụ Thân Văn R sinh năm 1932 (chết ngày 6-9-1972) và cụ Phan Thị H sinh năm 1934 (chết năm 2000) có tất cả 07 người con gồm: Thân

Thị N1 (chết, không có chồng, con), Thân Thành B, Thân Thành T1, Thân Thành L (đã chết, có vợ là Lương Thị C, con là Thân Minh K), Thân Ngọc K, Thân Thị N, Thân Thị Mỹ C2. Khi cha mẹ ông chết không để lại di chúc, di sản để lại gồm:

- Diện tích đất ruộng trong gia tộc ở xã G 43.000 m²;
- Đất ruộng tại khu phố L, thị trấn T1 diện tích 1.790 m²;
- Diện tích đất 1.770,7 m² tại khu phố L, thị trấn T1, trên đất đó có 2 căn nhà gồm 01 căn nhà thờ và 01 căn nhà của bà Thân Thị N.

Ông không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì vụ án này đã phát sinh tranh chấp trước khi có Bộ luật dân sự năm 2015, cụ thể:

Năm 2013, bà C có đơn khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế, Tòa án quyết định đình chỉ do hết thời hiệu khởi kiện. Năm 2014, bà C tiếp tục khởi kiện yêu cầu chia các tài sản này nhưng thay đổi quan hệ tranh chấp thành chia tài sản chung, Tòa án tiếp tục ra quyết định đình chỉ với yêu cầu của bà C do không đủ điều kiện khởi kiện vì không cung cấp được văn bản của các đồng thừa kế đối với tài sản tranh chấp là tài sản chung chưa chia.

Đối với bà Thân Thị Mỹ C2 chỉ sống trên đất chứ không phải là người quản lý, vì ngày 09-8-2010 các anh em trong gia đình ông đã làm văn bản thỏa thuận để cho ông là người trực tiếp quản lý tài sản, các đồng thừa kế gồm Thân Thành T1, Thân Ngọc K, Thân Thị N, Thân Thị Mỹ C2 cùng ký tên và có xác nhận của chính quyền địa phương. Mặc khác, khi căn nhà thờ của cha mẹ để lại xuống cấp thì ông là người đứng ra xây dựng lại.

- Bà Thân Ngọc K trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ để lại nhưng đã hết thời hiệu chia di sản thừa kế nên bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Khối tài sản này đã được 05 anh em trong gia đình là Thân Thành B, Thân Thành T1, Thân Thị N, Thân Ngọc K, Thân Thị Mỹ C2 làm văn bản thống nhất giao cho ông Thân Thành B quản lý, sử dụng. Như vậy tài sản này là của chung 05 người, bà không có yêu cầu chia riêng cho cá nhân mình. Nếu Tòa án xét xử chia thừa kế cho bà thì bà giao lại phần của mình được hưởng cho ông B quản lý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Thân Thành T1, bà Thân Thị N, ông Ngô Văn Đ, ông Mang Thành C3 đều vắng mặt trong tất cả các lần làm việc nên không có lời trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 29/2018/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 623, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015, Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp di sản thừa kế của cháu Thân Minh K và bà Lương Thị C đối với bà Thân Thị Mỹ C2, ông Thân Thành B, ông Thân Thành T1, bà Thân Thị N và bà Thân Ngọc K.

1. Buộc bà Thân Thị Mỹ C2, ông Thân Thành B, ông Thân Thành T1, bà Thân Thị N và bà Thân Ngọc K phải chia cho cháu Thân Minh K và bà Lương Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 277 m² và sở hữu cây trái nằm trên đất, thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 02, tọa lạc khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đất trị giá 937.500.000 (chín trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; đất có tứ cận:

+ Phía Nam giáp đường Nguyễn Trọng Cát, dài 7,5 m;

+ Phía Bắc giáp thửa đất 126, dài 7,5 m;

+ Phía Đông giáp phần đất do bà Thân Thị N đang sử dụng (có chiều ngang 08 m), dài 36,7 m;

+ Phía Tây giáp phần đất chia cho bà Thân Thị Mỹ C2, Thân Thành B, Thân Thành T1, Thân Thị N và Thân Ngọc K, dài 37,2 m.

2. Chia cho bà Thân Thị Mỹ C2, Thân Thành B, Thân Thành T1, Thân Thị N và Thân Ngọc K được quyền sử dụng phần đất do bà Thân Thị N sử dụng có diện tích 292 m², đất thuộc thửa số 129, tờ bản đồ số 02, tọa lạc khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh, trị giá 1.000.000.000 (một tỉ) đồng; đất có tứ cận:

+ Phía Nam giáp đường Nguyễn Trọng Cát, dài 08 m;

+ Phía Bắc giáp thửa đất 126, dài 08 m;

+ Phía Đông giáp thửa đất 190, dài 36,24 m;

+ Phía Tây giáp phần đất chia cho cháu Thân Minh K và bà Lương Thị C, dài 36,7 m.

Giao cho ông Thân Thành B quản lý phần đất này.

3. Chia cho bà Thân Thị Mỹ C2, Thân Thành B, Thân Thành T1, Thân Thị N và Thân Ngọc K được quyền sử dụng phần đất còn lại có diện tích 1.132 m², thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 02, tọa lạc khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh (trong đó có một phần diện tích 225 m² đã được Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất cho cụ Phan Thị H vào ngày 17-

9-1987). Đất trị giá 3.821.250.000 (ba tỉ tám trăm hai mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng; có tứ cận:

+ Phía Nam giáp đường Nguyễn Trọng Cát, dài 30,57 m (13,17 m + 5,5 m + 11,9 m);

+ Phía Bắc giáp thửa đất 115 và thửa đất 126, dài 33,36 m (6,42 m + 11,5m + 5,5 m + 3 m + 6,94 m);

+ Phía Đông giáp phần đất chia cho cháu Thân Minh K và bà Lương Thị C, dài 37,2 m;

+ Phía Tây giáp thửa đất 127, dài 31,63 m.

Giao cho ông Thân Thành B quản lý phần đất này.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá; án phí; quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo Luật Thi hành án Dân sự.

Ngày 24 tháng 9 năm 2018, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Thân Thành B kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, không đồng ý chia phần di sản hết thời hiệu của cụ Thân Văn R (chết năm 1972); không đồng ý phần di sản của ông Thân Văn R là di sản của bà Phan Thị H; yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm không chia phần di sản của ông Thân Văn R cho cháu Thân Minh K và bà Lương Thị C.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Thân Thành B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý một phần bản án sơ thẩm, vì phần di sản của cụ R đã hết thời hiệu khởi kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Cụ R chết năm 1972 không để lại di chúc, các đồng thừa kế không ai yêu cầu chia di sản thừa kế, cụ H tiếp tục quản lý, sử dụng và cụ H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 225 m². Năm 2000, cụ H chết không để lại di chúc. Tại phiên tòa, các đồng thừa kế là ông B và ông T1 cùng xác định cụ R và cụ H chết không để lại di chúc và khối di sản chưa chia của cụ R, cụ H bao gồm phần đất có diện tích 1.770,7 m² và căn nhà trên đất có diện tích 225 m². Do vậy, căn cứ Điều 623, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tào án nhân dân tối cao, việc bà C, cháu K yêu cầu chia di sản thừa kế là đúng quy định của pháp luật, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung,

thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn là bà Thân Thị Mỹ C2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Thân Ngọc K, ông Mang Thành C3 và bà Thân Thị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về xác định quan hệ tranh chấp: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là “tranh chấp di sản thừa kế” là chưa chính xác về từ ngữ, theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ tranh chấp được xác định là “tranh chấp về thừa kế tài sản”, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Cụ Thân Văn R sinh năm 1932 (chết ngày 6-9-1972) và cụ Phan Thị H sinh năm 1934 (chết năm 2000) khi sinh thời có tất cả 07 người con gồm: Bà Thân Thị N1 (chết, không có chồng, con), ông Thân Thành B, ông Thân Thành T1, ông Thân Thành L (chết có vợ là Lương Thị C, con là Thân Minh K), bà Thân Ngọc K, bà Thân Thị N, bà Thân Thị Mỹ C2.

[2.2] Di sản thừa kế tranh chấp gồm có phần đất diện tích 1.770,7 m² và một căn nhà diện tích 225 m² trên đất. Qua thẩm định thực tế do làm đường phần nương chiếm 69,7 m² nên diện tích còn lại 1.701m² (chiều ngang mặt tiền đường Nguyễn Trọng Cát là 46,07 m), phần đất có giá trị là 5.758.750.000 đồng. Do căn nhà là di sản đã cũ, hư hỏng, ông B tháo dỡ và xây mới nên bà C không yêu cầu chia giá trị căn nhà.

[2.3] Cụ R chết ngày 6-9-1972. Đây là trường hợp thừa kế mở trước ngày 10-9-1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Pháp lệnh thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số: 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh thừa kế, cụ thể là: Thời hiệu khởi kiện được tính từ ngày 10-9-1990. Tòa án cấp sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “*Theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của cụ R để lại tuy phát sinh*

thừa kế từ năm 1972, nhưng sau đó các thừa kế không ai yêu cầu phân chia. Di sản này cụ H tiếp tục quản lý nên toàn bộ phần di sản của cụ R thuộc về cụ H' là chưa áp dụng đúng pháp luật mà phải áp dụng Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; Nghị quyết số: 02/HĐTP ngày 19-10-1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015 để xác định thời hiệu khởi kiện vẫn còn.

[2.4] Sau khi cụ R chết thì các đồng thừa kế không có ai yêu cầu chia di sản thừa kế, cụ Phan Thị H tiếp tục quản lý, sử dụng và được Nhà nước cấp chứng nhận quyền sử dụng nhà, đất diện tích 225 m², còn lại diện tích 1.545,7 m² chưa được cấp chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, có cơ sở xác định phần đất diện tích 1.770,7 m² này là di sản thừa kế của cụ R, cụ H để lại, nên nguyên đơn là cháu K và bà C yêu cầu chia di sản của cụ R, cụ H là có cơ sở.

[2.5] Hàng thừa kế của cụ R, cụ H được xác định gồm: Ông Thân Thành B, ông Thân Thành T1, ông Thân Thành L (chết năm 2005 nên vợ là Lương Thị C và con là Thân Minh K là người thừa kế), bà Thân Ngọc K, bà Thân Thị N, bà Thân Thị Mỹ C2. Do đó, di sản cần được chia cho hàng thừa kế nêu trên là có căn cứ. Tuy nhiên, theo đơn xin xác nhận đề ngày 09-8-2010, Ông Thân Thành B, ông Thân Thành T1, bà Thân Ngọc K, bà Thân Thị N, bà Thân Thị Mỹ C2 thỏa thuận giao toàn bộ tài sản của cha, mẹ để lại cho ông B quản lý, sử dụng để lấy hoa lợi phục vụ cho việc thờ cúng, hiện nay ông B đang quản lý phần di sản nêu trên. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà C2, ông T1, bà N đều không đến Tòa án tham gia các buổi làm việc nên không có ý kiến. Bà K đồng ý giao lại phần của mình được hưởng cho ông B quản lý nên ghi nhận.

[2.6] Về tài sản trên đất hiện có 02 căn nhà, một căn nhà của bà N xây dựng vào năm 1997 và một căn nhà của cụ R, cụ H được ông B sửa chữa, xây dựng lại. Phía bà C, cháu K không có yêu cầu chia di sản thừa kế là căn nhà nêu trên nên không đặt ra giải quyết. Bà C, cháu K có yêu cầu chia bằng hiện vật vì có nhu cầu để xây cất nhà ở. Xét thấy, việc chia bằng hiện vật không ảnh hưởng đến hai căn nhà trên đất, nên cần chia thừa kế bằng hiện vật cho bà C, cháu K. Tòa án cấp sơ thẩm chia di sản thừa kế của cụ R, cụ H để lại thành 06 kỷ phần. Chia cho bà C, cháu K hưởng chung 01 kỷ phần, chia 05 kỷ phần còn lại cho những người thừa kế gồm ông B, bà C2, ông T1, bà K, bà N được hưởng và giao cho ông B quản lý là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Các đương sự không tranh chấp cây trái trên đất, do đó, người được chia đất được quyền sở hữu cây trái trên đất.

[3] Ông B kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu kháng cáo của mình là có cơ sở.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông B; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Yêu cầu kháng cáo của ông B không được chấp nhận, nên ông B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Thân Thành B.
- Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 29/2018/DS-ST ngày 10 tháng 9 năm 2018, của Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Tây Ninh.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 623, 649, 650, 651, 652 của Bộ luật dân sự năm 2015; Pháp lệnh Thừa kế năm 1990; Nghị quyết số: 02/HĐTP ngày 19-10-1990 và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Khoản 2 Điều 26, Điều 27, Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp thừa kế tài sản của cháu Thân Minh K và bà Lương Thị C đối với bà Thân Thị Mỹ C2, ông Thân Thành B, ông Thân Thành T1, bà Thân Thị N và bà Thân Ngọc K.

1.1. Chia cho cháu Thân Minh K và bà Lương Thị C được quyền sử dụng diện tích đất 277 m² và sở hữu cây trái trên đất, thuộc một phần thửa đất số 129, tờ bản đồ số 02, tọa lạc Khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh, đất trị giá 937.500.000 (chín trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn) đồng; đất có sơ đồ và tứ cận cụ thể:

+ Phía Đông giáp phần đất do bà Thân Thị N đang sử dụng (có chiều ngang 08 m), dài 36,7 m;

+ Phía Tây giáp phần đất chia cho bà Thân Thị Mỹ C2, Thân Thành B, Thân Thành T1, Thân Thị N và Thân Ngọc K, dài 37,2 m;

+ Phía Nam giáp đường Nguyễn Trọng Cát, dài 7,5 m;

+ Phía Bắc giáp thửa đất 126, dài 7,5 m.

1.2. Chia cho bà Thân Thị Mỹ C2, ông Thân Thành B, ông Thân Thành T1, bà Thân Thị N và bà Thân Ngọc K được quyền sử dụng phần đất do bà Thân Thị N sử dụng có diện tích 292 m², đất thuộc một phần thửa 129, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh, trị giá 1.000.000.000 (một tỉ) đồng; đất có sơ đồ và tứ cận cụ thể:

+ Phía Đông giáp thửa đất 190, dài 36,24 m;

+ Phía Tây giáp phần đất chia cho cháu Thân Minh K và bà Lương Thị C, dài 36,7 m;

+ Phía Nam giáp đường Nguyễn Trọng Cát, dài 08 m;

+ Phía Bắc giáp thửa đất 126, dài 08 m.

1.3. Chia cho bà Thân Thị Mỹ C2, Thân Thành B, Thân Thành T1, Thân Thị N và Thân Ngọc K được quyền sử dụng phần đất còn lại có diện tích 1.132 m², thuộc thửa đất số 129, tờ bản đồ số 02, tọa lạc khu phố L, thị trấn T1, huyện T, tỉnh Tây Ninh (trong đó có một phần diện tích 225 m² đã được Sở Xây dựng tỉnh Tây Ninh cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà, đất cho cụ Phan Thị H vào ngày 17-9-1987). Đất trị giá 3.821.250.000 (ba tỉ tám trăm hai mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng; đất có sơ đồ và tứ cận cụ thể:

+ Phía Đông giáp phần đất chia cho cháu Thân Minh K và bà Lương Thị C, dài 37,2 m;

+ Phía Tây giáp thửa đất 127, dài 31,63 m;

+ Phía Nam giáp đường Nguyễn Trọng Cát, dài 30,57 m (7,5 m + 5,67 m + 5,5 m + 11,9 m);

+ Phía Bắc giáp thửa đất 115 và thửa đất 126, dài 33,36 m (6,42 m + 3,53 m + 7,97 m + 5,5 m + 3 m + 6,94 m).

Ghi nhận các đồng thừa kế gồm ông Thân Thành T1, bà Thân Thị Mỹ C2, bà Thân Thị N, bà Thân Ngọc K thống nhất giao cho ông Thân Thành B quản lý các phần di sản này.

2. Về chi phí đo đạc, định giá:

Ghi nhận bà Lương Thị C tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 1.500.000 (một triệu năm trăm nghìn) đồng, bà C đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Cháu Thân Minh K và bà Lương Thị C phải chịu 40.125.000 (bốn mươi triệu một trăm hai mươi lăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ 4.792.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0009001 ngày 23-

6-2017 và Biên lai thu số: 0009685 ngày 01-02-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Cháu K và bà C còn phải tiếp tục nộp 35.333.000 (ba mươi lăm triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Thân Thị Mỹ C2, ông Thân Thành B, ông Thân Thành T1, bà Thân Thị N và bà Thân Ngọc K mỗi người phải chịu 40.927.500 (bốn mươi triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Thân Thành B phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông B đã nộp theo Biên lai thu số: 0016435 ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Kim Sang